

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP HỌC KÌ II

MÔN: NGỮ VĂN 7

PHẦN A: CẤU TRÚC ĐỀ THI

Câu 1. (3 điểm) Cho đoạn văn (thơ) ngữ liệu ngoài SGK học sinh trả lời và thực hiện các câu hỏi bên dưới.

a/. **Câu hỏi Văn bản:** Ví dụ : Cho biết nội dung của đoạn văn/ thơ trên? Nêu suy nghĩ của em về vấn đề được gợi ra trong đoạn văn/ thơ trên?...

b/. **Bài tập Tiếng Việt:** Ví dụ : Tìm câu đặc biệt/ câu rút gọn/câu có dùng cụm chủ - vị để mở rộng câu/câu bị động/ trạng ngữ / phép liệt kê...có trong đoạn văn(thơ) trên? Nêu tác dụng của việc sử dụng câu đặc biệt/ câu rút gọn/ câu có dùng cụm chủ -vị để mở rộng câu/câu bị động/ trạng ngữ/ phép liệt kê...? Đặt câu có sử dụng 1 trong các yếu tố Tiếng Việt trên.

Câu 2. Viết đoạn văn ngắn (6-8 câu): (3 điểm)

- Viết đoạn văn theo chủ đề (các chủ đề gần gũi liên quan đến gia đình, nhà trường...) có kết hợp sử dụng các yếu tố Tiếng Việt (CÂU RÚT GỌN, CÂU ĐẶC BIỆT, TRẠNG NGỮ, CÂU CHỦ ĐỘNG, CÂU BỊ ĐỘNG, CỤM CHỦ- VỊ DÙNG ĐỂ MỞ RỘNG CÂU, PHÉP LIỆT KÊ)

Câu 3 Tập làm văn (4 điểm)

Nghị luận chứng minh, nghị luận giải thích 1 câu tục ngữ/ ca dao/ nhận định (HS lưu ý các đề có trong SGK ,1 số đề ở ngoài có nội dung ý nghĩa tương tự đề trong SGK).

PHẦN B. NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA HKII (Từ tuần 20 đến hết tuần 31)

I.VĂN BẢN :*Biết được tên tác giả, tác phẩm, thể loại, nghệ thuật, nội dung của các văn bản:*

- 1.Tục ngữ về chủ đề thiên nhiên và lao động sản xuất
2. Tục ngữ về con người và xã hội.
- 3.Tinh thần yêu nước của nhân dân ta (Hồ Chí Minh)
- 4.Đức tính giản dị của Bác Hồ ((Phạm văn Đồng)
- 5.Ý nghĩa văn chương (Hoài Thanh)
- 6.Sống chết mặc bay (Phạm Duy Tốn)

Chúc các em đạt kết quả cao trong kì thi!

7. Ca Huế trên sông Hương (Hà Ánh Minh)

II. TIẾNG VIỆT

1. Thế nào là câu rút gọn? Việc rút gọn nhằm mục đích gì? Khi rút gọn cần lưu ý điều gì? BT SGK/ 16,17.

2. Thế nào là câu đặc biệt? Tác dụng của câu đặc biệt? BT SGK/ 29

3. Trạng ngữ.

Về ý nghĩa: Trạng ngữ thêm vào câu để xác định cái gì?

Về hình thức: Vị trí của trạng ngữ ở đâu trong câu? Giữa trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ thường có dấu hiệu nhận biết gì khi viết, khi nói? BT sgk/40,45.

4. Câu chủ động là gì? Câu bị động là gì? Mục đích của việc chuyển đổi câu CĐ thành câu BD và ngược lại? Cách chuyển câu CĐ thành câu bị động? BT sgk/ 58,64,65.

5. Thế nào là Dùng cụm chủ vị để mở rộng câu? Các trường hợp Dùng cụm chủ vị để mở rộng câu? BTsgk/ 69,96.

6. Thế nào là phép liệt kê? Tác dụng của phép liệt kê? Các kiểu liệt kê? BT sgk/106.

III: TẬP LÀM VĂN

A. LẬP LUẬN CHỨNG MINH

***DÀN BÀI GỢI Ý**

1) Mở bài

-Giới thiệu vấn đề nghị luận

-Dẫn lại đề (Câu tục ngữ, câu nói, nhận định...)

2) Thân bài

a) Giải thích ý nghĩa câu tục ngữ(câu nói, nhận định...). Trả lời câu hỏi là gì?

- Giải thích nghĩa của các từ quan trọng trong câu tục ngữ (câu nói, nhận định...) → Nghĩa cả câu → lời nhắn nhủ /lời khuyên...

b) Chứng minh : đưa ra những luận điểm, lí lẽ + dẫn chứng (biểu hiện cụ thể) để chứng minh vấn đề nghị luận là đúng đắn.

-Ý chứng minh 1 : (Luận điểm)

+ Dẫn chứng 1 :

Chúc các em đạt kết quả cao trong kì thi!

+ Dẫn chứng 2 :.....

+Dẫn chứng 3 :.....

(Các dẫn chứng cần được phân tích, làm rõ bằng lí lẽ)

→Chốt ý :.....

-Ý chứng minh 2 :...

VV...

(Giữa các dẫn chứng sử dụng các từ nối : Điều này được thể hiện, ví dụ như, bằng chứng là, ngoài ra, mặt khác, bên cạnh đó, hay như, không những thế...)

3. Kết bài

-Khẳng định vấn đề cần chứng minh.

- Liên hệ bản thân.

B.LẬP LUẬN GIẢI THÍCH

***DÀN BÀI Gợi ý**

1) Mở bài

-Giới thiệu vấn đề nghị luận

-Dẫn lại đề (Câu tục ngữ, câu nói, nhận định...)

2)Thân bài

a)Giải thích ý nghĩa câu tục ngữ(câu nói, nhận định...). *Trả lời câu hỏi là gì?*

- Giải thích nghĩa của các từ quan trọng trong câu tục ngữ(câu nói, nhận định...)->Nghĩa cả câu → lời nhắn nhủ / lời khuyên...

b)Giải thích nguyên nhân(*Trả lời câu hỏi : Tại sao ...?*)

-Ý giải thích 1 :(Luận điểm)

+ Dẫn chứng 1 :.....

+ Dẫn chứng 2 :.....

+Dẫn chứng 3 :.....

(Các dẫn chứng cần được phân tích, làm rõ bằng lí lẽ)

Chúc các em đạt kết quả cao trong kì thi!

→Chốt ý :.....

-Ý giải thích 2 :...

...VV....

(Giữa các dẫn chứng sử dụng các từ nối : Điều này được thể hiện, ví dụ như, bằng chứng là, ngoài ra, mặt khác, bên cạnh đó, hay như, không những thế...)

c) Hướng hành động (Trả lời câu hỏi làm gì...?)

3. Kết bài

-Khẳng định vấn đề cần giải thích.

- Liên hệ bản thân.

***Lưu ý:** Trên đây chỉ là tài liệu tham khảo. Khi đi thi trên tinh thần “học gì thi lấy” nên học sinh phải đọc kĩ đề & vận dụng những gì học để làm bài.

Chúc các em đạt kết quả cao trong kì thi!